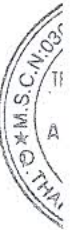


BẢN SAO

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ -
VINACOMIN**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
3. Báo cáo tài chính	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 32

3995
CÔNG
NHIỆM
TỔNG
VIỆT
TỈNH
HÀ NI
QUẢN

10/1/2014

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV (được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014 của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (tiền thân là Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV), là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2612/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Công thương đã có Quyết định số 3127/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV thành Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu số 5700100707 vào ngày 25/6/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1, 2, 3, 4 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 05 năm 2012.

2. Chủ tịch và Ban Giám đốc

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014 của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (là năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin)

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin đã điều hành hoạt động của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin trong suốt năm tài chính bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Vũ Đức Tuấn	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty
- Ông Nguyễn Mạnh Cường	Phó Giám đốc
- Ông Trương Quang Vệ	Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc
- Ông Trần Quốc Thành	Phó Giám đốc
- Ông Tạ Quang Tuấn	Phó Giám đốc

Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và trụ sở của các chi nhánh, xí nghiệp như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Chi nhánh Hà Nội	Huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- XN Dầu nhờn	Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

- XN Vận tải Thủy Phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Xếp Dỡ Phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vật tư vận tải Cẩm Phả Phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- XN Vật tư vận tải Hòn Gai Đường Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

3. Hoạt động chính

Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014, hoạt động chính của Công ty bao gồm: Kinh doanh vật tư, thiết bị; chế biến, tái sinh dầu nhờn; vận tải than, đất đá và các hàng hóa khác; cung ứng tàu biển, bốc xếp hàng hóa. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 04 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014 của Công ty.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh trong niên độ

Thực hiện quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 03/04/2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 526/QĐ-VINACOMIN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/7/2013. Ngày 18/12/2013, Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 2278/QĐ-VINACOMIN về việc “Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin thành Công ty cổ phần”.

Ngày 26/02/2014, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đã có Báo cáo kết quả đấu giá cổ phần số 87/BC-SGDHN ngày 26/02/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Ngoài ra, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ lập BCTC

Theo Quyết định số 01/QĐ-MTS ngày 16/04/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư - TKV, Công ty CP Vật tư - TKV được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin kể từ ngày 01/05/2014. Theo đó, Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin đã chấm dứt hoạt động và bàn giao toàn bộ tài sản, nguồn vốn và công nợ cho Công ty Cổ phần Vật tư - TKV kể từ ngày 01/05/2014.

0300a
TRÁI
K
AFC
C
THAN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 04 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

95
NG
BIỆM
TAT
TIỆ
NP
HÀ T
QUA

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - TKV

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

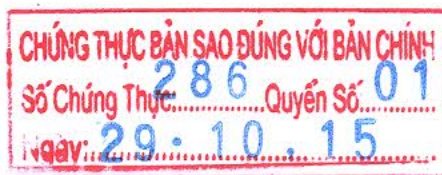
Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 04 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 09 năm 2014



CHAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC

Vũ Đức Tuấn
Giám đốc



Nguyễn Xuân Khoa

Handwritten notes and stamps on the right margin, including a vertical stamp with the letters 'HAN', 'AM', 'H', and 'P'.

Số: 561/2015/BCKT-AFCVN

Hà Nội, ngày 08 tháng 09 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014 của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin.

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư - TKV**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014 của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin được lập ngày 08/09/2014 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 30/04/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 32 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - TKV (được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin) chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin được bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014 theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 04 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0576-2013-009-1

Nguyễn Trung Thành

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2013-009-1

JAAT
CC
IACH
KIÊ
FC V
CHI
H
/HXI



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 04 năm 2014

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	TK	Mã số	Thuyết minh	30/04/2014	01/01/2014
TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.441.576.500.139	944.126.432.082
Tiền và các khoản tương đương tiền		110		7.244.076.080	19.283.879.810
Tiền		111	5.1	7.244.076.080	19.283.879.810
Các khoản tương đương tiền		112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1.165.779.801.045	655.006.481.564
Phải thu khách hàng	131	131		1.164.793.495.460	654.051.310.901
Trả trước cho người bán	331N	132		703.300.000	307.902.328
Phải thu nội bộ ngắn hạn	136	133		-	-
Các khoản phải thu khác		135	5.2	283.005.585	647.268.335
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140	5.3	266.664.010.709	262.311.158.814
Hàng tồn kho		141		266.664.010.709	262.311.158.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	159	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác		150		1.888.612.305	7.524.911.894
Chi phí trả trước ngắn hạn	142	151	5.4	1.363.911.946	130.352.089
Thuế GTGT được khấu trừ	133	152		336.049.539	7.179.343.456
Thuế và các khoản phải thu N. Nước	333N	154		-	74.412.026
Tài sản ngắn hạn khác		158		188.650.820	140.804.323
TÀI SẢN DÀI HẠN		200		211.552.936.955	126.960.234.131
Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
Tài sản cố định		220		164.669.302.305	118.846.703.120
TSCĐ hữu hình		221	5.5	164.129.431.008	118.261.812.323
- Nguyên giá	211	222		469.958.820.362	399.332.087.033
- Giá trị khấu hao lũy kế	2141	223		(305.829.389.354)	(281.070.274.710)
Chi phí XDCB dở dang	241	230	5.6	539.871.297	584.890.797
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250		-	-
Đầu tư vào công ty con	221	251		-	-
Đầu tư dài hạn khác	228	258		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229	259		-	-
Tài sản dài hạn khác		260		46.883.634.650	8.113.531.011
Chi phí trả trước dài hạn	242	261	5.7	46.593.634.650	7.608.531.011
Tài sản dài hạn khác	244	268		290.000.000	505.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.653.129.437.094	1.071.086.666.213

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 04 năm 2014

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	TK	Mã số	Thuyết minh	30/04/2014	01/01/2014
NỢ PHẢI TRẢ		300		1.502.953.200.175	940.009.198.579
Nợ ngắn hạn		310		1.442.000.527.978	875.532.691.602
Vay và nợ ngắn hạn		311	5.8	608.900.443.760	94.463.240.557
Phải trả người bán	331	312		685.249.895.389	691.832.329.412
Người mua trả tiền trước	131N	313		1.228.649.051	1.093.788.926
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	333	314	5.9	3.430.811.452	3.984.426.033
Phải trả người lao động	334	315		39.004.695.044	31.567.589.820
Chi phí phải trả	335	316	5.10	4.092.873.856	82.356.703
Phải trả nội bộ	336	317		71.239.326.395	1.753.595.363
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác		319	5.11	2.965.651.122	32.605.263.729
Dự phòng phải trả ngắn hạn	352	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	353	323		25.888.181.909	18.150.101.059
Nợ dài hạn		330		60.952.672.197	64.476.506.977
Phải trả dài hạn khác		333		-	-
Vay và nợ dài hạn		334	5.12	60.952.672.197	64.476.506.977
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	351	336		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	356	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		150.000.000.000	130.502.103.294
Vốn chủ sở hữu		410	5.13	150.000.000.000	130.502.103.294
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	411		150.000.000.000	90.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	4112	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	4113	413		-	17.400.330.184
Cổ phiếu ngân quỹ	419	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	414	417		-	22.601.773.110
Quỹ dự phòng tài chính	415	418		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	420		-	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	441	421		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
Nguồn kinh phí		432		-	-
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	466	433		-	-
VỐN GÓP LIÊN DOANH	LD	500	5.14	176.236.919	575.364.340
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.653.129.437.094	1.071.086.666.213

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 04 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/04/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		6.941.634.883	6.941.634.883
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		365.882.893	365.882.893
Nợ khó đòi đã xử lý		11.581.945.236	11.581.945.236
Ngoại tệ các loại			-
Ngoại tệ (USD)		101,85	101,81
Ngoại tệ (EUR)		-	-
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2014

NGƯỜI LẬP

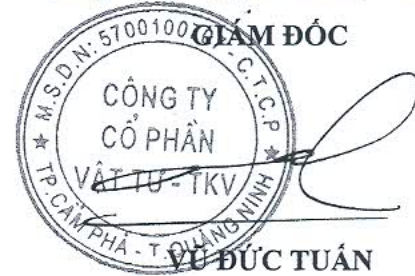


NGÔ THỊ HỒNG THOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.866.480.330.437	6.196.650.821.365
Các khoản giảm trừ	02	6.2	-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.3	1.866.480.330.437	6.196.650.821.365
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	1.789.417.847.727	5.965.194.998.647
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.062.482.710	231.455.822.718
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	93.644.674	503.548.822
Chi phí tài chính	22	6.6	14.285.421.966	58.269.640.623
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.202.738.639	57.416.269.970
Chi phí bán hàng	24		39.716.761.924	105.906.327.845
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.778.137.574	38.164.733.459
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.375.805.920	29.618.669.613
Thu nhập khác	31		3.192.060.374	10.548.442.862
Chi phí khác	32		452.202.604	4.156.451.507
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.739.857.770	6.391.991.355
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.115.663.690	36.010.660.968
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.913.826.285	9.671.078.556
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		10.201.837.405	26.339.582.412

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2014

NGƯỜI LẬP



HOÀNG XUÂN TÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN



VŨ ĐỨC TUẤN

NG CẢM
 300
 TRÁ
 K
 1FC
 C
 NH

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp năm trước chuyển qua	Số phát sinh phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp chuyển qua năm sau
B	C	1	2	3	4=(1+2-3)
Thuế	10	3.894.902.207	8.930.596.265	9.518.399.520	3.307.098.952
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	412.658.048	1.926.246.195	2.309.991.822	28.912.421
Thuế GTGT hàng NK	12	-	2.802.280.784	2.802.280.784	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	13	-	-	-	-
Thuế Xuất, nhập khẩu	14	-	825.146.777	825.146.777	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	3.225.804.807	2.913.826.285	3.317.821.076	2.821.810.016
Thuế Tài nguyên	16	-	-	-	-
Thuế nhà đất	17	-	-	-	-
Tiền thuế đất	18	329.225.285	122.437.371	7.141.268	444.521.388
Các khoản thuế khác	19	(72.785.933)	340.658.853	256.017.793	11.855.127
<i>Thuế môn bài</i>		-	10.000.000	10.000.000	-
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>		(74.412.026)	330.658.853	244.391.700	11.855.127
<i>Các loại thuế khác</i>		1.626.093	-	1.626.093	-
Các khoản phải nộp khác	30	15.111.800	439.131.000	330.530.300	123.712.500
Các khoản phụ thu	31	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí	32	-	-	-	-
Phí bảo vệ môi trường	33	15.111.800	439.131.000	330.530.300	123.712.500
Các khoản khác	34	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	3.910.014.007	9.369.727.265	9.848.929.820	3.430.811.452

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2014

NGƯỜI LẬP

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

Đơn vị: VND

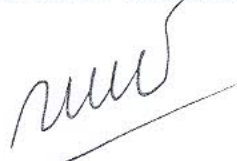
CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	13.115.663.690	36.010.660.968
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	8.718.625.588	27.294.640.209
Các khoản dự phòng	03	-	(6.028.100.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.008.524	98.423.985
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(52.249.837)	(1.458.896.191)
Chi phí lãi vay	06	14.202.738.639	57.416.269.970
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	35.985.786.604	113.332.998.941
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(503.903.460.035)	99.306.945.750
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(4.352.851.895)	(76.748.078.429)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(24.200.861.556)	141.851.265.151
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.673.296.341)	(776.391.771)
Tiền lãi vay đã trả	13	(14.202.738.639)	(57.416.269.970)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.317.821.076)	(12.245.608.152)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.376.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(5.531.100.000)	(16.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(519.820.342.938)	207.288.861.520
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(2.784.943.107)	(21.775.950.366)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.164.424.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	52.249.837	294.472.191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.732.693.270)	(20.317.054.175)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	(399.127.421)	(1.726.274.404)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.485.853.191.209	4.910.494.227.111
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(974.940.833.346)	(5.095.215.745.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	510.513.230.442	(186.447.792.857)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.283.879.810	18.759.837.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.036	27.492
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.244.076.080	19.283.879.810

NGƯỜI LẬP



NGÔ THỊ HỒNG THOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN



Quảng Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2014

GIÁM ĐỐC



VŨ ĐỨC TUẤN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH MTV Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin (tiền thân là Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV), là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2612/QĐ/TCCB ngày 17/9/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010, Bộ trưởng Bộ Công thương đã có quyết định số 3127/QĐ-BCT về việc chuyển đổi Công ty Vật tư, Vận tải và Xếp dỡ - TKV thành Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam sở hữu 100% vốn điều lệ.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên lần đầu số 5700100707 vào ngày 25/6/2010. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn đầu tư và tên của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1, 2, 3, 4 và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100707 thay đổi lần thứ 5 vào ngày 25 tháng 05 năm 2012. Theo đó, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Sửa chữa bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp liên quan đến vận tải đường thủy;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Quảng cáo.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

Công ty có trụ sở chính tại phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty có các chi nhánh và xí nghiệp như sau:

- Chi nhánh Hà Nội
- Xí nghiệp Dầu nhờn
- Xí nghiệp Vận tải Thủy
- Xí nghiệp Xếp dỡ
- Xí nghiệp Vật tư Cẩm Phả
- Xí nghiệp Vật tư Hòn Gai

Đến ngày 30 tháng 04 năm 2014, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.183 người, trong đó số cán bộ quản lý là 128 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đặc thù áp dụng trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 16148/BTC-CĐKT ngày 20/12/2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp trong công tác lập Báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính cuối cùng của Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và xếp dỡ - Vinacomin bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2013 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

00448
CÔ
TRÁCH N
KIẾ
FC V
CHI
H.
NH XU

PHẦN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại là 21.105 VND/USD.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ không phải là Đô la Mỹ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Giá đích danh (riêng Xí nghiệp Vận tư vận tải Hòn Gai và Xí nghiệp Vật tư vận tải Cẩm Phả sử dụng phương pháp nhập trước, xuất trước để tính giá trị xuất của mặt hàng xăng, dầu) |
| - Thành phẩm | Bình quân gia quyền |
| - Chi phí SXKD dở dang | Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trung đơng tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc trên 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

4.7 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các chi phí phát sinh phục vụ cho nhiều năm tài chính, bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định, giá trị còn lại chưa phân bổ của các tài sản không đủ điều kiện là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí trả trước dài hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 2 năm kể từ khi phát sinh.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty thuộc sở hữu Nhà nước do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam quản lý.

Nguồn vốn kinh doanh được thể hiện trên Báo cáo tài chính của Công ty gồm nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp và nguồn vốn tự bổ sung tại đơn vị.

Các quỹ được hình thành từ phân phối lợi nhuận của hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc phân phối quỹ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Các quỹ trong năm được trích lập gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng và phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

4.11 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.12 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí khác phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.13 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 22%.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại (nếu có) là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: Theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.14 Khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	2.600.799.434	1.547.984.626
Tiền gửi ngân hàng (ii)	4.643.276.646	17.497.895.184
Tiền đang chuyển	-	238.000.000
Cộng	<u>7.244.076.080</u>	<u>19.283.879.810</u>
(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/04/2014 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đông Việt Nam		2.600.799.434
Đông ngoại tệ		-
Cộng		<u>2.600.799.434</u>
(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/04/2014 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		2.149.544
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh</i>	<i>101,85</i>	<i>2.149.544</i>
Đông Việt Nam		4.641.127.102
<i>Ngân hàng Công thương - CN Quảng Ninh</i>		<i>2.671.810.164</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - CN Quảng Ninh</i>		<i>7.592.327</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Quảng Ninh</i>		<i>62.791.672</i>
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế - CN Quảng Ninh</i>		<i>494.615.226</i>
<i>Ngân hàng TMCP ĐT & PT - CN Quảng Ninh</i>		<i>104.017.704</i>
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</i>		<i>479.569.134</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Quảng Ninh</i>		<i>163.938.242</i>
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Quảng Ninh</i>		<i>129.338.175</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đồng Đa</i>		<i>515.458.214</i>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Cẩm Phả</i>		<i>3.538.090</i>
<i>Ngân hàng Citibank, CN Hà Nội</i>		<i>8.458.154</i>
Cộng		<u>4.643.276.646</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Phải thu người lao động	64.632.201	14.630.522
2% kinh phí công đoàn	136.833.896	-
18% Bảo hiểm xã hội	35.057.488	-
Tạm ứng cho bộ phận thi hành án	46.482.000	-
Phải thu khác	-	632.637.813
Cộng	283.005.585	647.268.335

5.3. Hàng tồn kho

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Hàng mua đang đi đường	16.332.574.216	18.031.435.919
Nguyên liệu, vật liệu	88.997.873.891	98.969.892.463
Công cụ, dụng cụ	1.105.782.431	1.154.002.846
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.939.360	146.289.169
Thành phẩm	17.799.952.664	13.804.649.222
Hàng hóa	142.331.979.723	129.750.188.795
Hàng gửi bán	66.908.424	454.700.400
Cộng giá gốc hàng tồn kho	266.664.010.709	262.311.158.814

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí bảo hiểm	1.199.587.891	122.514.589
Chi phí kiểm định	4.987.500	7.837.500
Tiền thuê đất phi nông nghiệp	61.663.725	-
Phí dịch vụ lưu trữ trực tuyến	32.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	65.672.830	-
Cộng	1.363.911.946	130.352.089

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

5.5. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu năm	95.741.249.346	77.417.198.813	223.535.042.136	926.863.899	1.711.732.839	399.332.087.033
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	1.833.014.603	-	-	-	1.833.014.603
- Do sửa chữa, nâng cấp	996.948.004	-	-	-	-	996.948.004
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do đánh giá lại	21.311.646.535	2	46.495.124.185	-	-	67.806.770.722
- Thanh lý	-	-	-	-	-	-
- Nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	-	(10.000.000)
Số dư cuối năm	118.049.843.885	79.250.213.418	270.020.166.321	926.863.899	1.711.732.839	469.958.820.362
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu năm	57.755.282.205	39.765.233.939	181.312.839.924	791.365.061	1.445.553.581	281.070.274.710
- Khấu hao trong năm	3.023.549.136	2.327.353.712	3.345.947.386	21.775.354	-	8.718.625.588
- Tính hao mòn	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Tăng do đánh giá lại	6.424.189.243	-	15.574.746.915	-	-	21.998.936.158
- Giảm do đánh giá lại	-	(5.875.311.343)	-	(73.135.759)	-	(5.948.447.102)
- Giảm khác	-	-	(10.000.000)	-	-	(10.000.000)
Số dư cuối năm	67.203.020.584	36.217.276.308	200.223.534.225	740.004.656	1.445.553.581	305.829.389.354
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	37.985.967.141	37.651.964.874	42.222.202.212	135.498.838	266.179.258	118.261.812.323
Tại ngày cuối năm	50.846.823.301	43.032.937.110	69.796.632.096	186.859.243	266.179.258	164.129.431.008
- Đang dùng	117.978.828.858	78.666.998.779	270.020.166.321	926.863.899	1.771.732.839	469.304.590.696
- Không cần dùng	71.015.027	583.214.639	-	-	-	654.229.666
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí XDCB dở dang	539.871.297	584.890.797
Thiết kế tàu chở công nhân	270.962.388	270.962.388
CP thiết kế cây xăng Hà Khánh	113.828.000	113.828.000
Sửa chữa đoàn HL 08	-	45.019.500
Quy hoạch kho dầu nhờn VTHG	155.080.909	155.080.909

5.7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Chi phí công cụ dụng cụ	4.277.224.424	2.781.244.663
Chi phí sửa chữa TSCĐ	6.851.820.203	4.506.921.348
Tiền thuê nhà Chi nhánh Hà Nội	150.000.000	120.000.000
Phí bảo hiểm, lệ phí trả trước	102.425.000	200.365.000
Giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa	34.781.953.702	-
Chi phí trả trước khác trên 1 năm	430.211.321	-
Cộng	46.593.634.650	7.608.531.011

5.8. Vay và nợ ngắn hạn

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Vay ngắn hạn	608.900.443.760	94.463.240.557
NH TMCP Công thương VN - Cẩm Phả	232.722.100.000	19.760.200.000
NH Đầu tư và Phát triển - Cẩm Phả	232.154.848.000	30.023.200.000
NH TMCP Ngoại thương VN - Quảng Ninh	21.711.200.000	-
Công ty TNHH MTV Tài chính - Vinacomin	91.590.627.640	41.122.627.640
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	12.721.668.120	-
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Cẩm Phả	13.000.000.000	3.557.212.917
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	608.900.443.760	94.463.240.557

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/04/2014 (VND)	01/01/2014 (VND)
Thuế giá trị gia tăng nội địa	28.912.421	412.658.048
Thuế thu nhập cá nhân	11.855.127	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.821.810.016	3.225.804.807
Tiền thuê đất	444.521.388	329.225.285
Thuế bảo vệ môi trường	123.712.500	15.111.800
Các khoản phí, lệ phí khác	-	1.626.093
Cộng	3.430.811.452	3.984.426.033

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.10. Chi phí phải trả

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Chi phí photo tài liệu	1.960.000	-
Chi phí độc hại	-	3.616.648
Chi phí kiểm toán BCTC năm 2013	-	61.388.000
Chi phí tiền điện chiếu sáng	2.500.000	2.452.670
Chi phí điện thoại, tiền nước phải trả	14.553.856	14.899.385
Chi phí thuê VP CN Hà Nội	36.000.000	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	4.030.000.000	-
Chi phí kiểm định	3.200.000	-
Chi phí dịch vụ nhà hàng tháng 4	4.660.000	-
Cộng	<u>4.092.873.856</u>	<u>82.356.703</u>

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Kinh phí công đoàn	-	109.553.266
Bảo hiểm xã hội	23.228.927	21.915.115
Tài sản thừa chờ giải quyết	199.993.675	167.629.473
Các khoản phải trả phải nộp khác (i)	<u>2.742.428.520</u>	<u>32.306.165.875</u>
Cộng	<u>2.965.651.122</u>	<u>32.605.263.729</u>

(i) Các khoản phải trả phải nộp khác

	<u>30/04/2014</u> (VND)
<i>Kinh phí hoạt động Đảng</i>	135.078.849
<i>Đoàn phí công đoàn</i>	58.730.917
<i>Khấu hao bếp ăn tập thể</i>	82.971.019
<i>BHXH ứng tiền khám chữa bệnh</i>	21.186.678
<i>Tiền học phí lớp lái cầu</i>	27.806.000
<i>Quỹ văn hóa xã hội</i>	835.405.106
<i>Tiền bảo lãnh dự thầu</i>	30.000.000
<i>Tiền bồi thường của Tạ Văn Sơn</i>	2.000.000
<i>Công an chuyển tiền thu hộ Hapexco</i>	300.000.000
<i>Thuế GTGT + TNCN năm 2011</i>	196.072
<i>Tiền gửi tiết kiệm và tiền lãi của CBCNV</i>	6.527.528
<i>Tiền phân phối lại tiền lương, lợi nhuận cho CBCNV</i>	40.250.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

(i) Các khoản phải trả phải nộp khác	<u>30/04/2014</u> (VND)
<i>Tiền PP lại lợi nhuận năm 2014 cho Công ty CP ĐT VTVT & XD</i>	93.656.555
<i>CN chuyển tiền tạm giữ của Lê Việt Dũng</i>	943.260.000
<i>Giá trị hàng ứ đọng trả Tập Đoàn</i>	83.006.461
<i>Lãi tiền gửi phong tỏa</i>	42.353.335
<i>Tiền thuê nhà tháng 4,5 của Nguyễn Khắc Nhu</i>	40.000.000
Cộng	<u><u>2.742.428.520</u></u>

5.12. Vay và nợ dài hạn

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Vay dài hạn	60.952.672.197	64.476.506.977
Vay ngân hàng	(i) 59.886.278.757	63.411.124.097
Vay Tập đoàn Vinacomin	(ii) 1.066.393.440	1.065.382.880
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u><u>60.952.672.197</u></u>	<u><u>64.476.506.977</u></u>

(i) Số dư tiền vay ngân hàng tại 30/04/2014 bao gồm:

	<u>VND</u>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả</i> (a)	8.557.241.000
<i>N.hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả</i> (b)	36.276.733.441
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh</i> (c)	2.471.301.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh</i> (d)	4.574.354.570
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh</i> (e)	8.006.648.746
Cộng	<u><u>59.886.278.757</u></u>

Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	<u>VND</u>
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN Cẩm Phả</i>	5.244.494.087
<i>N.hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả</i>	7.100.477.105
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Ninh</i>	850.551.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh</i>	3.259.856.000
<i>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh</i>	700.000.000
<i>Vay Tập đoàn Vinacomin</i>	1.066.393.440
Cộng	<u><u>18.221.771.632</u></u>

- a. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 30/04/2014 là 8.557.241.000 đồng bao gồm 05 hợp đồng vay với thời hạn vay từ 5 năm đến 8 năm với mức lãi suất từ 15%/năm đến 19,5%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- b. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả tại ngày 30/04/2014 là 36.276.733.441 đồng bao gồm 18 hợp đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

- vay với thời hạn vay từ 5 đến 8 năm và với mức lãi suất từ 12%/năm đến 19,5%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp và tài sản hình thành từ vốn vay.
- c. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 30/04/2014 là 2.471.301.000 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất từ 10,5%/năm đến 15%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- d. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc Tế - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 30/04/2014 là 4.574.354.570 đồng bao gồm 01 hợp đồng vay với thời hạn vay là 5 năm và với mức lãi suất từ 12%/năm đến 20,5%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- e. Số dư nợ vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh tại ngày 30/04/2014 là 8.006.648.746 đồng bao gồm 02 hợp đồng vay với thời hạn vay là 7 năm và với mức lãi suất là 14,6%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Số dư nợ vay dài hạn Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại ngày 30/04/2014 là 50.528 Đô la Mỹ (USD) tương đương 1.066.393.440 đồng (trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 50.528 USD tương đương 1.066.393.440 đồng) bao gồm 02 hợp đồng vay với mức lãi suất từ 6,38%/năm đến 6,558%/năm. Hình thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

5.13. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	CL tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng		
Số dư đầu năm trước	90.500.000.000	20.750.763.491	5.780.797.745	13.701.161.980	-	-	-	130.732.723.216		
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	26.339.582.412	26.339.582.412		
Tăng khác	-	5.975.846.781	21.997.588.484	-	-	-	-	27.973.435.265		
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-		
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	-	(9.326.280.088)	(5.176.613.119)	(13.701.161.980)	-	-	(26.339.582.412)	(54.543.637.599)		
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	90.500.000.000	17.400.330.184	22.601.773.110	-	-	-	-	130.502.103.294		
Tăng vốn trong năm nay	128.303.752.115	-	-	-	-	-	-	128.303.752.115		
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	10.201.837.405	10.201.837.405		
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-		
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-		
Giảm khác	(68.803.752.115)	(17.400.330.184)	(22.601.773.110)	-	-	-	(10.201.837.405)	(119.007.692.814)		
Số dư năm nay	150.000.000.000	-	-	-	-	-	-	150.000.000.000		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Vốn điều lệ	150.000.000.000	90.500.000.000
Vốn khác của vốn chủ sở hữu	-	17.400.330.184
Cộng	<u>150.000.000.000</u>	<u>107.900.330.184</u>

Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	-	22.601.773.110
Quỹ dự phòng tài chính	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>22.601.773.110</u>

5.14. Nhận vốn góp liên doanh

	<u>30/04/2014</u> (VND)	<u>01/01/2014</u> (VND)
Công ty CP Đầu tư Vật tư VT và xếp dỡ (i)	1.061.422	400.188.843
Công ty APP (ii)	175.175.497	175.175.497
Cộng	<u>176.236.919</u>	<u>575.364.340</u>

- (i) Đối với Công ty Cổ phần Đầu tư vật tư vận tải và xếp dỡ.
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 77/HĐ-KH ngày 10/6/2009 về việc góp vốn đầu tư hoá cải tàu dầu QN 3124 từ 500 m³ thành 800 m³.
 - Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02A/HĐ-KH ngày 01/01/2008 về việc góp vốn đầu tư tàu chở dầu 800m³ theo dự án của Công ty Vật tư Vận tải & Xếp dỡ - Vinacomin để vận chuyển dầu (DO) phục vụ cho các đơn vị sản xuất than của Tập đoàn và các đối tượng khác.
- (ii) Đối với Công ty APP về việc hợp tác liên doanh sản xuất dầu nhờn.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.866.480.330.437	6.196.650.821.365
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>1.811.194.500.864</i>	<i>5.998.983.949.258</i>
Doanh thu bán hàng hoá	1.727.641.568.064	5.737.355.919.382
Doanh thu bán thành phẩm	83.552.932.800	261.628.029.876
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>55.285.829.573</i>	<i>197.666.872.107</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Tổng các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-

6.3 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	1.866.480.330.437	6.196.650.821.365
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	1.727.641.568.064	5.737.355.919.382
Doanh thu thuần trao đổi thành phẩm	83.552.932.800	261.628.029.876
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	55.285.829.573	197.666.872.107

6.4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Giá vốn hàng hoá đã bán	1.687.167.326.770	5.606.874.399.479
Giá vốn thành phẩm đã bán	57.412.022.754	189.125.768.891
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	44.838.498.203	169.194.830.277
Cộng	1.789.417.847.727	5.965.194.998.647

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	52.249.837	294.472.291
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	3.059.438
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	23.518.292
Chiết khấu thanh toán nhận được	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	41.394.837	182.498.801
Cộng	93.644.674	503.548.822

6.6 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Lãi tiền vay	14.202.738.639	57.416.269.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.243.100	731.428.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	121.942.277
Chi phí hoạt động tài chính khác	81.440.227	-
Cộng	14.285.421.966	58.269.640.623

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.913.826.285	9.671.078.556
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.115.663.690	36.010.660.968
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	129.001.242	2.673.653.254
- Tổng thu nhập chịu thuế	13.244.664.932	38.684.314.222
- Chuyển lỗ năm trước	-	-
- Thu nhập tính thuế	13.244.664.932	38.684.314.222
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.913.826.285	9.671.078.556
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập của năm nay	-	-
Cộng	2.913.826.285	9.671.078.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/04/2014 (VND)	Năm 2013 (VND)
Chi phí nguyên vật liệu	74.702.458.912	218.538.107.139
Chi phí nhân công	45.534.661.439	147.790.287.073
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.718.625.588	27.294.640.209
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.724.767.836	68.971.659.031
Chi phí khác bằng tiền	11.843.343.902	37.765.118.391
Cộng	157.523.857.677	500.359.811.843

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) và các đơn vị trong nội bộ Tập đoàn được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

Số dư tại ngày 30/04/2014 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 30/04/2014 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01 - Vinacomin: Báo cáo doanh thu nội bộ trong Tập đoàn Vinacomin;
- Phụ biểu 18: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

7.3 Thông tin khác

- Thực hiện quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Ngày 03/04/2013, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 526/QĐ-VINACOMIN về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vật tư Vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 01/7/2013. Ngày 18/12/2013, Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 2278/QĐ-VINACOMIN về việc “Phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Vật tư vận tải và Xếp dỡ - Vinacomin thành Công ty cổ phần”.

Ngày 26/02/2014, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng thông qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và đã có Báo cáo kết quả đấu giá cổ phần số 87/BC-SGDHN ngày 26/02/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

5-007
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
HÀ NỘI
HÀ NỘI

TRUNG ƯƠNG

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN
Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2014 và kết thúc vào ngày 30/04/2014

- Theo Quyết định số 01/QĐ-MTS ngày 16/04/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần vật tư - TKV, Công ty CP Vật tư - TKV được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và xếp dỡ - Vinacomin kể từ ngày 01/05/2014. Theo đó, Công ty TNHH MTV Vật tư, vận tải và xếp dỡ - Vinacomin đã chấm dứt hoạt động và bàn giao toàn bộ tài sản, nguồn vốn và công nợ cho Công ty Cổ phần Vật tư - TKV kể từ ngày 01/5/2014.

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 09 năm 2014

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

VŨ ĐỨC TUẤN

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

STT	Nội dung	CHI TIẾT LOẠI DOANH THU TOÀN CÔNG TY 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2014				
		KD VẬT TƯ	BỐC XÉP	VẬN TẢI THUÝ	KHÁC	
A	B	1	2	3	4	5
21	Cty TNHH ITV than Uông Bí - TKV	16.039.523.885	-	-	-	16.039.523.885
22	Cty CP cơ khí ôtô Uông Bí	124.259.660	-	-	-	124.259.660
23	Cty CP SX TM than Uông Bí	6.625.733.526	-	-	-	6.625.733.526
24	Cty TNHH ITV than Uông Bí	169.890.277	-	-	-	169.890.277
25	XN sàng tuyển và sàng	619.226.410	-	-	-	619.226.410
26	Cty xi măng La Hiên VVMI	621.881.470	-	-	-	621.881.470
27	Cty CP cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	44.349.800	-	-	-	44.349.800
28	Công ty than Núi Hồng-VVMI	-	-	-	-	986.005.570
29	Cty TNHH ITV than Khánh Hoà VVMI	483.392.000	-	-	-	984.094.210
30	Cty TNHH ITV than Na Dương VVMI	202.456.656	-	-	-	740.267.550
31	Cty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kan	4.287.024	-	-	-	279.652.450
32	Cty TNHH ITV CN hoá chất mỏ - TKV	2.764.566.042	-	-	-	2.764.566.042
33	Cty CN hoá chất mỏ Cẩm Phả	11.010.897.338	-	-	-	11.010.897.338
34	Cty CN hoá chất mỏ Việt Bắc	118.950.000	-	-	-	118.950.000
35	Cty CN hoá chất mỏ Quảng Ninh	6.279.296.359	-	-	-	6.279.296.359
36	Cty TNHH ITV than Thống Nhất - TKV	15.426.348.410	-	-	220.100.000	15.646.448.410
37	Cty TNHH ITV than Khe Chàm - TKV	11.193.048.036	-	-	256.600.000	11.449.648.036
38	Công ty TNHH ITV nhóm Lâm Đồng	2.150.789.000	-	-	-	2.150.789.000
39	Cty TNHH ITV môi trường mỏ - TKV	6.121.562.764	-	-	-	6.121.562.764
40	Công trường XD môi trường mỏ 2	186.671.488	-	-	-	186.671.488
41	Công trường thi công cơ giới	3.046.332.781	-	-	-	3.046.332.781
42	Cty TNHH ITV than Hạ Long - TKV	20.263.951.075	-	-	-	20.263.951.075
43	Cty than Hạ Long	2.906.340.050	-	-	-	2.906.340.050

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

STT	Nội dung	CHI TIẾT LOẠI DOANH THU TOÀN CÔNG TY 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2014				
		KD VẬT TƯ	BỐC XÉP	VẬN TẢI THUÝ	KHÁC	
A	B	1	2	3	4	5
44	Cty TNHH 1TV than Hòn Gai - TKV	109.870.532.270	-	-	-	109.870.532.270
45	Cty TNHH 1TV than Quang Hanh - TKV	13.076.183.472	-	-	914.497.780	13.990.681.252
46	Cty CP than Hà Lâm - TKV	26.700.113.759	-	-	-	26.700.113.759
47	Cty CP than Vàng Danh - TKV	13.290.796.511	-	-	-	13.290.796.511
48	Cty TNHH 1TV than Nam Mẫu - TKV	11.194.474.700	-	-	-	11.194.474.700
49	Cty tuyển than Hòn Gai	11.561.069.508	-	-	-	11.561.069.508
50	Cty tuyển than Cửa Ông	25.323.204.861	-	-	-	25.323.204.861
51	Cty cơ khí đóng tàu	364.500.000	-	-	-	364.500.000
52	Cty nhiệt điện Na Dương - TKV	871.270.759	-	-	179.150.620	1.050.421.379
53	Cty nhiệt điện Cao Ngạn - TKV	4.514.487.218	-	-	-	4.514.487.218
54	Cty kho vận Hòn Gai - TKV	20.102.380.541	4.420.013.134	832.618.500	-	25.355.012.175
55	Cty kho vận Đá Bạc - TKV	3.492.263.108	6.611.855.026	4.396.682.151	-	14.500.800.285
56	Cty kho vận và cảng Cẩm Phá	28.970.202.525	5.728.999.013	2.111.010.758	-	36.810.212.296
57	Cty xây dựng hầm lò 1 - TKV	2.839.167.448	-	-	188.300.000	3.027.467.448
58	XN xây lắp mỏ Cẩm Phá	3.800.445.799	-	-	354.000.000	4.154.445.799
59	Cty xây dựng hầm lò 2 - TKV	1.004.628.320	-	-	-	1.004.628.320
60	XN xử lý nước	613.110.201	-	-	-	613.110.201
61	Công ty chế biến than QN	4.037.388.820	-	-	442.050.000	4.479.438.820
62	Công ty TNHH MTV Than Hồng Thái	14.565.678.029	-	-	-	14.565.678.029
63	Công ty TNHH MTV Than Dương Huy	43.795.133.182	-	-	2.633.540.000	46.428.673.182
64	Trung tâm điều hành sx tại QN	611.454.587	-	-	-	611.454.587
65	Trung tâm cấp cứu mỏ - TKV	21.195.528	-	-	-	21.195.528
66	Trường CĐ nghề mỏ Hồng Cẩm - TKV	790.842.138	-	-	-	790.842.138
67	Cty CP DV & TM than Mạo Khê	5.810.264.552	-	-	-	5.810.264.552

BẢNG KÊ VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 30 tháng 04 năm 2014

STT		CHI TIẾT LOẠI DOANH THU TOÀN CÔNG TY 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2014				
Nội dung		KD VẬT TƯ	BỐC XÉP	VẬN TẢI THU	KHÁC	
A	B	1	2	3	4	5
68	Cty CP cơ khí Mạo Khê	236.188.040	-	-	-	236.188.040
69	Cty TNHH ITV VTVT & XD - VINACOMIN	(69.198.119.347)	-	-	71.597.486.860	2.399.367.513
70	XN chế tạo TB lắp máy & điện	599.465.732	-	-	-	599.465.732
71	Cty nhiệt điện Sơn Động - TKV	5.471.777.229	-	-	-	5.471.777.229
72	Công ty Nhiệt điện Đông Triều	104.443.574	-	-	-	104.443.574
73	Cty TNHH ITV địa chất Việt Bắc	380.105.536	-	-	-	380.105.536
Tổng cộng		1.639.506.623.434	16.760.867.173	7.340.311.409	82.228.880.290	1.745.836.682.306

NGƯỜI LẬP BIỂU

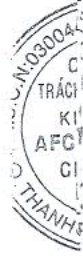
NGÔ THỊ HỒNG THOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH HUỲN

VŨ ĐỨC TUẤN

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2014



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 18

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Vào ngày 30/04/2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị		Các khoản công nợ				341
	A	B	131 Nợ	131 Có	331	336	
I	CÁC KHOẢN NỢ NGẮN HẠN		1.137.024.224.804	181.008.774	684.564.002	71.239.326.395	91.590.627.640
1	Công ty kho vận và cảng CP-Vinacomin		12.875.259.016				
2	Công ty tuyến than Hòn Gai-Vinacomin		2.249.361.952				
3	Công ty tuyến than Cửa Ông-Vinacomin		9.966.384.766				
4	Công ty nhiệt điện Na Dương - Vinacomin		92.319.007				
5	Công ty nhiệt điện Cao Ngạn - Vinacomin		999.374.409				
6	Công ty nhiệt điện Sơn Động - Vinacomin		6.018.954.953				
7	Trung tâm cấp cứu mỏ - Vinacomin		11.657.540				
8	Trung tâm điều hành sản xuất tại QN		156.016.907			71.239.326.395	
9	Ban KT-TK-TC						
10	Công ty TNHH MTV than Uông Bí - Vinacomin		5.828.137.852				
11	Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc- Vinacomin		2.485.899.369				
12	Tổng Công ty công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin		24.322.470.676				
13	Công ty TNHH MTV than Mạo Khê - Vinacomin		2.254.056.409				
14	Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin		9.758.290.073				
15	Công ty TNHH MTV môi trường - Vinacomin		7.347.171.266		683.564.002		
16	Công ty TNHH MTV than Thống Nhất - Vinacomin		21.936.595.047				
17	Công ty TNHH MTV than Dương Huy - Vinacomin		22.076.240.410				
18	Công ty CP than Móng Dương - Vinacomin		11.116.207.716				
19	Công ty TNHH MTV Khe Châm - Vinacomin		13.821.563.208				
20	Công ty TNHH MTV than Quang Hanh - Vinacomin		10.631.146.472				
21	Công ty TNHH MTV than Hạ Long - Vinacomin		30.647.342.524				
22	Công ty CP than Hà Lâm - Vinacomin		12.685.838.087				

8995
 CÔNG
 NIỆM
 M T
 VIỆT
 NH
 HÀ N
 QUẢN



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOANG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ, VẬN TẢI VÀ XÉP DỖ - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

Phụ biểu 18

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 30/04/2014

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Các khoản công nợ					
		131 Nợ	131 Có	331	336	311	341
A	B	1	2	3	4	5	6
23	Công ty TNHH MTV than Hòn Gai - Vinacomin	81.656.186.201					
24	Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	8.451.452.379					
25	Công ty TNHH MTV cơ khí đóng tàu - Vinacomin	6.976.355.995					
26	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	1.345.612.640					
27	Trường CĐ nghề mỏ Hồng Cẩm - Vinacomin	306.887.003					
28	Công ty CP than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin	42.686.120.336					
29	Công ty CP KD than Cẩm Phả - Vinacomin	5.578.547.201					
30	Công ty CP du lịch & TM- Vinacomin		1.000.000				
31	Công ty CP đầu tư TM&DV - Vinacomin	1.128.751.250					
32	Công ty CP VT và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	14.760.376.348					
33	Công ty CP nhiệt điện CP - Vinacomin	6.118.827.575					
34	Công ty CP giám định- Vinacomin	55.744.600					
35	Công ty CP than Núi Béo- Vinacomin	22.304.448.104					
36	Công ty CP than Cọc Sáu- Vinacomin	226.968.662.570					
37	Công ty CP than Đèo Nai- Vinacomin	183.312.336.565					
38	Công ty CP than Cao Sơn- Vinacomin	239.331.427.611					
39	Công ty CP than Hà Tu- Vinacomin	37.728.081.826					
40	Công ty CP thiết bị điện- Vinacomin	86.697.892					
41	Công ty TNHH MTV Tài chính- Vinacomin					91.590.627.640	
42	Công ty CP vận tải Thủy- Vinacomin	43.626.900					
43	Công ty Kho vận Đá Bạc- Vinacomin	2.522.440.359					
44	Công ty XD mỏ hầm lò 1- Vinacomin	10.447.392.906					
45	Công ty XD mỏ hầm lò 2- Vinacomin	1.234.940.997					



101-C
 TỶ
 ĐU HAI
 AN
 NAI
 NH
 (TP)

Địa chỉ: Phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN

Vào ngày 30/04/2014

Đơn vị: VND

STT	Tên đơn vị		Các khoản công nợ					
	A	B	131 Nợ	131 Có	331	336	311	341
			I	2	4	6		
46	Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin		104.639.128					
47	Công ty CP cơ điện Uông Bí - Vinacomin		150.629.622					
48	Công ty kho vận Hòn Gai - Vinacomin		8.262.440.870					
49	Công ty TNHH MTV than Nam Mẫu - Vinacomin		11.272.195.626					
50	Công ty CP cơ khí Hòn Gai - Vinacomin		2.237.587.288					
51	Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc			181.008.774				
52	Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng		2.365.867.900					
53	Công ty than Hồng Thái		9.314.271.031					
54	Công ty Chế biến than QN		2.991.388.422					
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN							
1	Tập đoàn công nghiệp than Khoáng sản VN							
	CỘNG		1.137.024.224.804	684.564.002	71.239.326.395	91.590.627.640	1.066.393.440	1.066.393.440

NGƯỜI LẬP BIỂU



BÙI HỒNG LIÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN

Quảng Ninh, ngày 08 tháng 9 năm 2014



VŨ ĐỨC TUẤN

